

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(DÀNH CHO HỌC PHẦN CÓ GIẢNG DẠY THEO ĐỒ ÁN)
TY02012: DƯỢC LIỆU THÚ Y (Veterinary medicinal herbs)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 05
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 02 (Lý thuyết 1,5 - Thực hành 0,5 – Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22.5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 7.5 tiết
- Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Nội – Chẩn – Dược
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương		Cơ sở ngành		Chuyên ngành	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: không
- Học phần tiên quyết: TY02006: Dược lý học thú y
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

*Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chuyên môn	
CĐR3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.2. Điều trị cho vật nuôi.
CĐR4. Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.	4.1. Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi.

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR8. Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật.	8.2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong phòng chống dịch bệnh cho động vật nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng
CĐR9. Tư vấn về kỹ thuật, công nghệ và kinh doanh trong lĩnh vực thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế với sự cân nhắc về sự an toàn cho con người, sức khỏe vật nuôi và môi trường sinh thái.	9.1 Tư vấn về kỹ thuật thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế
CĐR11. Nghiên cứu khoa học giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y.	11.1: Vận dụng kỹ năng khảo sát, nghiên cứu thực tiễn để phát hiện vấn đề nghiên cứu
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR14. Định hướng tương lai rõ ràng và sẵn sàng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành thú y trong bối cảnh toàn cầu hóa.	14.1: Xác định rõ ràng các định hướng phát triển sự nghiệp

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:**

- Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về dược liệu và việc ứng dụng dược liệu vào hoạt động chăn nuôi thú y.
- Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm chính xác được việc sử dụng dược liệu vào công tác chăn nuôi và phòng trị bệnh cho vật nuôi.
- Học phần hình thành cho sinh viên thái độ nhận thức về tầm quan trọng và ưu điểm của việc ứng dụng dược liệu trong chăn nuôi thú y.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		3.2	4.1	8.2	9.1	11.1	14.1
TY02012	Dược liệu thú y	P	I	R	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Thiết kế được các cách thức sử dụng dược liệu trong thực tiễn chăn nuôi thú y để chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị bệnh; với mục tiêu tận dụng được các ưu điểm của dược liệu trong thực tiễn sản xuất.	32
K2	Thiết kế được các chương trình sử dụng dược liệu để chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi theo các tiêu chuẩn quy định.	4.1
Kỹ năng		
K3	Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong việc ứng dụng dược liệu để phòng chống dịch bệnh cho động vật nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng	8.2
K4	Thực hiện theo đúng hướng dẫn việc tư vấn, phân tích về kỹ thuật sử dụng dược liệu trong lĩnh vực thú y theo định hướng chăn nuôi an toàn, tạo ra thực phẩm sạch và mang lại lợi ích kinh tế.	9.1
K5	Thực hiện được việc kết hợp các kỹ năng khảo sát, nghiên cứu thực tiễn để thực hiện thành công việc đưa dược liệu vào ứng dụng trong chăn nuôi thú y	11.1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Xác định rõ ràng được khả năng ứng dụng dược liệu vào trong chăn nuôi thú y và tìm cách phát huy khả năng này để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn sản xuất.	14.1

IV. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

Mã: TY02012. Tên học phần: Dược liệu thú y (Tổng số tín chỉ: 2TC. Tổng số tín chỉ lý thuyết: 1.5TC – Tổng số tín chỉ thực hành: 0.5TC – Tổng số tín chỉ tự học: 6TC).

Học phần này gồm: khái niệm, nguồn gốc, phân loại, nguyên tắc thu hái, bảo quản và chế biến dược liệu, các nhóm hoạt chất chính, tác dụng dược lý và ứng dụng của chúng trong thú y. Trong phần dược liệu học chuyên khoa, các dược liệu phổ biến được chia thành các nhóm và trình bày cụ thể chi tiết theo hướng ứng dụng.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5	K6
Thuyết giảng	x	x				
Hoạt động nhóm, thuyết trình	x	x				
Giảng dạy thông qua thực hành			x	x	x	x
Thực hiện project	x	x	x	x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Người học tiếp nhận kiến thức bằng nhiều hình thức: thông qua bài giảng; thông qua hoạt động nhóm, thuyết trình; thông qua thực hành.
- Sinh viên tham gia thực hiện đồ án, báo cáo tổng kết và trình bày đồ án.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia dự giờ lý thuyết đầy đủ theo quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải xem trước nội dung bài học trước mỗi buổi lên lớp.
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thảo luận và chuẩn bị thuyết trình theo nhóm. Số chủ điểm, số nhóm có thể phân dựa trên số sinh viên tham dự học phần.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự đủ bài thực hành. Sau mỗi buổi thực hành, sinh viên phải làm thu hoạch, kết thúc thực hành, sinh viên phải thi lý thuyết và thao tác thực hành, đây là điều kiện để tham dự kỳ thi hết môn.
- Thực hiện project: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thực hiện project.
- Thi cuối kì: bắt buộc sinh viên phải tham gia kiểm tra cuối kì theo lịch của ban Quản lý đào tạo

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	K6	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (50%)							
Rubric 1. Chuyên cần (10%)						x	Tất cả các tuần học
Rubric 2. Thực hành (0%)			x	x	x	x	Theo lịch của Học viện
Rubric 3. Hoạt động nhóm, thuyết trình (20%)	x	x					Theo phân công của giáo viên
Rubric 4. Thực hiện project (20%)	x	x	x	x	x	x	Theo phân công của giáo viên

Đánh giá cuối kì 5%)							
Rubric 5. Thi cuối kì (60%)	x	x					Theo lịch thi của Học viện

Rubic 1: Đánh giá tham chuyên cần (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tích cực tham gia đạt 85- 100% các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia 65-84% các hoạt động	Có chú ý, tham gia tương đối 40-64%	Có chú ý, tham gia dưới 40%
Thời gian tham dự	30	Tham dự đủ 85- 100% số tiết học	Tham dự trên 65-84% số tiết học	Tham dự từ 40-64% số tiết học	Tham dự dưới 40% số tiết học (không được vắng quá 2 buổi học lý thuyết; không được vắng thực hành)

Rubic 2: Đánh giá thực hành (0%_ không tính vào tổng số điểm. Rubric 2 chỉ đánh giá sinh viên đạt hay không đạt: (i) Điểm Rubric 2 ≥ 4.0 : Đạt; (ii) Điểm Rubric 2 < 4.0 : Không đạt. Sinh viên đạt Rubric 2 sẽ được tham gia đánh giá tiếp Rubric 3 và Rubric 4.

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	40	Luôn chú ý và tích cực tham gia đạt được 85%-100% yêu cầu	Khá chú ý, có tham gia đạt được 65%-84% yêu cầu	Có chú ý, tham gia đạt 40%-64% yêu cầu	Mức độ chú ý đạt dưới 40%
Kết quả thực hành	60	Kết quả đạt 100% bài học	Kết quả đạt 65%-84% thời gian dự lớp	Kết quả đạt từ 40%-64% thời gian dự lớp	Kết quả đạt dưới 40%

Rubric 3: Đánh giá thuyết trình (20%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú đạt mức độ 85-100%	Đầy đủ theo yêu cầu đạt mức độ 65 – 84%	Đầy đủ đạt độ 40 – 64%	Đạt mức độ dưới 40%
	10	Chính xác , khoa học mức độ 85-100%	Chính xác, khoa học, mức độ 65 – 84%	Chính xác, khoa học,	Chính xác, khoa học mức độ dưới 40%, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides hợp lý mức độ 85-100%	Cấu trúc bài và slides hợp lý mức độ 65 – 84%	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý mức độ 40 – 64%	Cấu trúc bài và slides hợp lý dưới 40%
	10	Mức độ trực quan và thẩm mỹ 85-100%	Mức độ trực quan và thẩm mỹ 65 – 84%	Mức độ trực quan và thẩm mỹ 40 – 64%	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ (mức độ dưới 40%)
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục mức độ 85-100%	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục (mức độ 65 – 84%)	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng (mức độ 40 – 64%)	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng (mức độ dưới 40%)
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt (mức độ 65 – 84%)	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt (mức độ 40 – 64%)	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ (mức độ dưới 40%)
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống (mức độ 85-100%)	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống (mức độ 65 – 84%)	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống (mức độ 40 – 64%)	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng (mức độ 85-100%)	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được (mức độ 65 – 84%)	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được (mức độ 40 – 64%)	Không trả lời được đa số câu hỏi (mức độ trả lời đúng dưới 40%)
Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời (mức độ 85-100%)	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ (mức độ 65 – 84%)	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời (mức độ 40 – 64%)	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Cách sử dụng:

- GV có thể sử dụng Rubric này để đánh giá SV khi đến tham dự một nhóm thảo luận hoặc để SV đánh giá lẫn nhau khi họ thảo luận nhóm.
- Trước khi sử dụng, GV phải giải thích trước cho SV

Rubric 4 Đánh giá Project (đồ án): trọng số 20% trên tổng số

Tiêu chí	Trọng số (%)	Đánh giá
<i>Đánh giá quá trình</i>		
Đề cương đồ án	20	Rubric 4.1
Báo cáo tiến độ	20	Rubric 4.2
Tự đánh giá nội bộ	20	Rubric 4.3
<i>Đánh giá sản phẩm</i>		
Hồ sơ phát triển và thực hiện đồ án	20	Rubric 4.4
Báo cáo tổng kết đồ án	20	Rubric 4.5

Ghi chú : Điểm trung bình của project là tổng điểm của các rubic nhân với trọng số tương ứng của 5 rubic liên quan đến project thực hành là rubic 4.1; rubic 4.2; rubic 4.3; rubic 4.4 và rubic 4.5.

Rubric 4.1: Đề cương đồ án, bảo vệ đề cương (đánh giá theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm	Khá 6.5 - 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học, thực tiễn của đồ án, mục tiêu của đồ án. Tổng quan tài liệu liên quan tới đồ án	10	Có tính thời sự mới, có khả năng áp dụng thực tiễn.	Có tính thời sự nhưng khả năng áp dụng thực tiễn thấp.	Có tính kế thừa, khả năng áp dụng thấp	Không có tính mới lắn khả năng áp dụng.
Nội dung và phương pháp nghiên cứu	20	Đầy đủ, đảm bảo đạt mục tiêu	Được mô tả khá đầy đủ nhưng chưa chi tiết.	Đã có nhưng chưa đầy đủ, khó đảm bảo đạt mục tiêu.	Thiếu nội dung và phương pháp nghiên cứu chính.
Danh mục sản phẩm	15	Danh mục đầy đủ	Danh mục khá đầy đủ	Đã có nhưng chưa đầy đủ	Thiếu danh mục sản phẩm
Tính khả thi.	10	Có tính khả thi cao.	Có tính khả thi.	Tính khả thi không cao.	Không có tính khả thi.
Kỹ năng chuẩn bị và trình bày báo cáo*	20	Đầy đủ, chính xác, thuyết phục, đơn giản dễ hiểu	Đầy đủ, chính xác, nhưng hơi lan man, chưa dễ hiểu.	Đầy đủ chính xác, nhưng ít thu hút, ít thuyết phục,	Chưa đầy đủ hoặc trình bày nhảm chán

				chưa dễ hiểu.	
Thái độ tham gia	25	Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm	Tích cực nhưng khá rời rạc giữa các thành viên trong nhóm.	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở.	Không tham gia hoặc tham gia rất ít

Ghi chú : Nếu vắng mặt, sinh viên sẽ bị 0 điểm ở tiêu chí này.

Rubric 4.2. Báo cáo tiến độ (dánh giá theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm	Khá 6.5 - 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Tiến độ và khối lượng cụ thể công việc đã triển khai,	40	Đúng tiến độ	Chưa kịp tiến độ nhưng đã đạt được trên 90% khối lượng công việc	Chưa kịp tiến độ nhưng đã đạt được từ 75-90% khối lượng công việc.	Thực hiện được ít hơn 75% khối lượng công việc.
Nội dung thuyết trình và kỹ năng trình bày báo cáo*	30	Dài dù, chính xác, thuyết phục, đơn giản dễ hiểu	Dài dù, chính xác, nhưng hơi lan man, chưa dễ hiểu.	Dài dù chính xác, nhưng ít thu hút, ít thuyết phục, chưa dễ hiểu.	Chưa dài dù hoặc trình bày nhảm chán
Trả lời câu hỏi trong lúc báo cáo*	30	Dài dù, chính xác, thuyết phục, đơn giản dễ hiểu	Dài dù, chính xác, nhưng hơi lan man, chưa dễ hiểu.	Một số ý bị sai hoặc trả lời chưa đầy đủ.	Không trả lời được hoặc trả lời sai nhiều câu hỏi.

Ghi chú : Nếu vắng mặt, sinh viên sẽ bị 0 điểm ở các tiêu chí này.

Rubric 4.3. Tự đánh giá nội bộ (trong quá trình thực hiện đồ án, đánh giá theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm	Khá 6.5 - 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	20	Tích cực, chủ động tham gia	Tham gia	Cần phải nhắc nhở mới tham gia	Không tham gia
Kỹ năng thực hành	40	Thao tác tốt, cẩn thận, chính xác	Thao tác tốt tuy nhiên chưa thật sự cẩn	Thao tác lóng ngóng, vụng về	Không thao tác được

			thận		
Chất lượng sản phẩm	40	Tốt	Khá	Sản phẩm đạt	Kém

*Ghi chú: Tất cả 3 tiêu chí phải đạt tối thiểu trung bình. Chỉ cần một tiêu chí bị đánh giá kém thì sinh viên sẽ bị 0 điểm cho toàn bộ Rubric 3.

Rubric 4.4: Hồ sơ phát triển và thực hiện đồ án (đánh giá theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm	Khá 6.5 - 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thuyết minh đồ án*	5	Đầy đủ, đúng mẫu, đã được GVHD phê duyệt	Đầy đủ, không đúng mẫu, đã được GVHD phê duyệt	Thiếu ít nhất 1 phần, không đúng mẫu, đã được GVHD phê duyệt	Chưa được GVHD phê duyệt, nộp muộn
Số liệu thô: phiếu điều tra, qui trình, thông tin thứ cấp, bản vẽ, tranh ảnh, ...*	40	Đầy đủ, đúng mẫu	Đầy đủ, không đúng mẫu	Thiếu hoặc tài liệu, phiếu không đúng mẫu	Thiếu nhiều tài liệu, không đúng mẫu, nộp muộn
Nhật ký nhóm, Xác nhận phối hợp của đối tác/khách hàng (nếu có) *	30	Đầy đủ, đúng mẫu	Đầy đủ, không đúng mẫu	Thiếu hoặc tài liệu, phiếu không đúng mẫu	Thiếu nhiều tài liệu, không đúng mẫu, nộp muộn
Báo cáo tổng kết*	25	Đầy đủ, đúng mẫu	Đầy đủ, không đúng mẫu	Thiếu hoặc tài liệu, phiếu không đúng mẫu	Thiếu nhiều tài liệu, không đúng mẫu, nộp muộn

Ghi chú: Điều kiện cần và đủ để đồ án được đánh giá là đồ án phải giao nộp cả 4 tiêu chí. Tiêu chí nào nộp muộn sẽ bị 0 điểm cho tiêu chí đó.

Rubric 4.5. Báo cáo tổng kết, trình bày đồ án (đánh giá theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm	Khá 6.5 - 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Hình thức	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng fomat và yêu cầu, không có lỗi chính tả, lỗi in ấn. - Tài liệu tham khảo cập nhật, 	<ul style="list-style-type: none"> -Đúng fomat nhưng không cân đối giữa các phần, còn lỗi chính tả, in ấn. -Tài liệu tham khảo cập nhật, 	<ul style="list-style-type: none"> -Đúng fomat nhưng không cân đối giữa các phần, nhiều lỗi chính tả, in ấn. -Tài liệu tham khảo cập nhật, 	<ul style="list-style-type: none"> -Không đúng fomat quy định về cỡ chữ, phông chữ, số trang -Tài liệu tham khảo chủ yếu là từ internet, giáo

		đúng quy định, phong phú	đúng quy định nhưng ít tài liệu (ít hơn 10 tài liệu)	nhưng ít tài liệu (ít hơn 10 tài liệu) và trích dẫn không đúng quy định	trình, ít có dung lượng khoa học.
Kết quả nghiên cứu	50	<ul style="list-style-type: none"> -Bám sát mục tiêu nghiên cứu và nội dung -Đủ dung lượng khoa học (tin cậy, xử lý phù hợp, đúng) 	<ul style="list-style-type: none"> -Đạt được 1 số kết quả theo thuyết minh nhưng còn thiếu một nội dung chưa thực hiện. - Một số kết quả xử lý thống kê chưa phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> -Đạt được 1 số kết quả theo thuyết minh nhưng thiếu nhiều hơn 1 nội dung chưa thực hiện. - Một số kết quả xử lý thống kê chưa phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên 50% khối lượng, nội dung nghiên cứu không thực hiện.
Kết luận, đề nghị	10	-Phù hợp với kết quả nghiên cứu, bám sát mục tiêu	-Kết luận phù hợp nhưng còn viết lan man, chưa tập trung	-Kết luận chưa phù hợp với nội dung mục tiêu	-Kết luận không phù hợp với kết quả thực tế.
Kỹ năng chuẩn bị và trình bày báo cáo, trả lời câu hỏi*	30	-Đầy đủ, chính xác, thuyết phục, đơn giản dễ hiểu.	Đầy đủ, chính xác, nhưng hơi lan man, chưa dễ hiểu	Chính xác, nhưng không đầy đủ.	<ul style="list-style-type: none"> Chưa đầy đủ hoặc trình bày nhảm chán. -Không trả lời được hoặc trả lời sai nhiều câu hỏi.

Rubric 4: Đánh giá cuối kì (50%)

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận.

Bắt buộc tham gia đầy đủ và đánh giá theo đáp án

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Thiết kế được các cách thức sử dụng dược liệu trong thực tiễn chăn nuôi thú y để chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị bệnh; với mục tiêu tận dụng được các ưu điểm của dược liệu trong thực tiễn sản xuất.
K2	Thiết kế được các chương trình sử dụng dược liệu để chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi theo các tiêu chuẩn quy định.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Dự lớp: là điều kiện bắt buộc, sinh viên không được vắng mặt quá 30% số tiết quy định. Trong giờ chú ý nghe giảng, không gây mất trật tự làm ảnh hưởng đến người khác.
- Tham dự hoạt động nhóm, thuyết trình: không tham dự sẽ không có điểm giữa kì.
- Tham gia đồ án: sinh viên phải tham gia thực hiện đồ án.

- Tham dự thi cuối kì: không được dự thi cuối kì nếu không hoàn thành nội dung thực hành và không tham dự đủ thời gian học lý thuyết.
- Sinh viên có đầy đủ giáo trình/bài giảng của học phần và chuẩn bị bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)

Phạm Thị Minh Huệ và Vũ Thị Thu Giang. Bộ môn Bảo chế, Đại học Dược Hà Nội. Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu. Nhà xuất bản trường Đại học Dược Hà Nội, 2017.

* Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)

1. Amy Shojai. New Choices in Natural Healing for Dogs & Cats: Herbs, Acupressure, Massage, Homeopathy, Flower Essences, Natural Diets, Healing Energy 2nd Edition. 2016.
2. Muhammad Abdul Aziz, Amir Hasan Khan, Andrea Pieroni. Ethnoveterinary plants of Pakistan: a review. J Ethnobiol Ethnomed, 16(1):25, 2020. doi: 10.1186/s13002-020-00369-1.
3. Samidurai Jayakumar, Selvarasu Sathiskumar, Nagarajan Baskaran, Radjasegarin Arumugam, Ethno-veterinary practices in Southern India for captive Asian elephant ailments. J Ethnopharmacol. 2017;200:182-204. doi: 10.1016/j.jep.2017.02.039. Epub 2017 Feb 27.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

* Phần lý thuyết

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	<p>Chương 1: Thu hái, bảo quản và chế biến dược liệu</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Thu hái, bảo quản và chế biến dược liệu</p> <p>1.1. Khái niệm cơ bản 1.2. Thu hái dược liệu 1.3. Bảo quản dược liệu 1.4. Chế biến dược liệu 1.5. Phương thuốc (cách kê đơn thuốc)</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm:</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Một nhóm sinh viên trình bày về một loại cây dược liệu tiêu biểu trong lâm sàng thú y (sinh viên tự lựa chọn), trong đó nêu rõ các phần được học ở chương 1 gồm khái niệm, phương pháp thu hái, bảo quản, chế biến và phương thuốc khi ứng dụng cụ thể vào một loại vật nuôi, sau đó mở rộng ra các vật nuôi khác.</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Làm đề cương project</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà(6 tiết):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo. 	K1, K2

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	
2	<p>Chương 2: Thành phần hóa học của dược liệu</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Thành phần hóa học của dược liệu</p> <p>2.1. Khái niệm hoạt chất, hoạt chất chính, hoạt chất phụ, chất độn, Alcaloid, Glucozid và Tanin</p> <p>2.2. Các phương pháp bào chế cơ bản</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2,5 tiết, tương đương với 5 tiết quy đổi)</p> <p>Chiết, tách và định lượng nhóm hoạt chất chính trong dược liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp chất Anthranoid - Hợp chất anthroxyan - Hợp chất flavonoid <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Một nhóm sinh viên trình bày về một loại cây dược liệu tiêu biểu trong lâm sàng thú y (sinh viên tự lựa chọn) mà có thành phần hoạt chất chính thuộc nhóm được giới thiệu, sau đó phân tích chi tiết mối liên hệ giữa thành phần hoạt chất này với tác dụng dược lý và ứng dụng điều trị của cây này trên một loài động vật cụ thể và sau đó mở rộng ra các động vật khác nhau.</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Làm đề cương project</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (11 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo và bài thực tập - Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	K1, K2, K3, K4, K5, K6
3	<p>Chương 3: Kháng sinh thực vật (Phytoncid)</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Kháng sinh thực vật (Phytoncid)</p> <p>3.1. Đại cương về phytoncid</p> <p>3.2. Các cây thuốc thông dụng</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2,5 tiết, tương đương với 5 tiết quy đổi)</p> <p>Chiết, tách và định lượng nhóm hoạt chất chính trong dược liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp chất coumarin - Hợp chất tanin - Hợp chất saponin 	K1, K2, K3, K4, K5, K6

	<p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Một nhóm sinh viên trình bày về loại cây tiêu biểu có ứng dụng nhiều trong lâm sàng thú y theo hướng điều trị nhiễm khuẩn (sinh viên tự lựa chọn), sau đó phân tích chi tiết mối liên hệ giữ hoạt chất của cây với hoạt tính kháng khuẩn và ứng dụng của nó. Từ đó sinh viên mở rộng vấn đề về vai trò của các cây kháng khuẩn, khả năng thay thế kháng sinh, ý nghĩa của khả năng này trong thời đại ngày nay khi sự tồn dư kháng sinh và tính kháng kháng sinh của vi khuẩn đang trở thành vấn đề lớn.</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Thực hiện project</p>	
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (11 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo và bài thực tập - Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	
	<p>Chương 4:Dược liệu có tác dụng trị kí sinh trùng thú y</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Dược liệu có tác dụng trị kí sinh trùng thú y</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Dược liệu có tác dụng trị ngoại kí sinh trùng 4.2. Dược liệu có tác dụng trị nội kí sinh trùng <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm:(2,5 tiết, tương đương với 6 tiết quy đổi)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm dược liệu chứa Alkaloid - Dược liệu chứa kháng sinh thực vật - Dược liệu chứa tanin - Dược liệu có nguồn gốc động vật - Dược liệu có nguồn gốc khoáng vật 	K1, K2, K3, K4, K5, K6
4	<p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Một nhóm sinh viên trình bày về một loại cây có tính ứng dụng cao trong lâm sàng thú y theo hướng trị kí sinh trùng (sinh viên tự lựa chọn), sau đó phân tích chi tiết mối liên hệ giữa hoạt chất của cây với hoạt tính trị kí sinh trùng và ứng dụng của nó. Từ đó sinh viên mở rộng vấn đề về vai trò của các cây trị kí sinh trùng trong thú y và khả năng thay thế thuốc hóa học trị liệu nhằm giải quyết vấn đề như sự tồn dư hay tác dụng phụ.</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Thực hiện project</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (11 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo, chuẩn bị bài thực hành - Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	

	Chương 5: Dược liệu có tác dụng trên đường tiêu hóa	
5	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Dược liệu có tác dụng trên đường tiêu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> 5.1. Dược liệu kích thích tiêu hóa 5.2. Dược liệu có tác dụng tẩy, nhuận tràng. 5.3. Dược liệu có tác dụng cầm tiêu chảy <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (...tiết)</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>Một nhóm sinh viên trình bày về một loại cây có tính ứng dụng cao trong lâm sàng thú y theo hướng chữa bệnh đường tiêu hóa (sinh viên tự lựa chọn), sau đó phân tích chi tiết mối liên hệ giữa hoạt chất của cây với tác dụng dược lý và ứng dụng của nó. Từ đó sinh viên mở rộng vấn đề về vai trò của các cây dược liệu chữa bệnh đường tiêu hóa và so sánh chúng với các thuốc hóa học trị liệu của tây y.</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Thực hiện project</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo, chuẩn bị bài thực hành Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	K1, K2, K3, K4, K5, K6
6	Chương 6: Dược liệu có tác dụng với cơ trơn tử cung.	
	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Dược liệu có tác dụng với cơ trơn tử cung.</p> <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Dược liệu có tác dụng kích thích co bóp cơ tử cung 6.2. Dược liệu có tác dụng úc chế co bóp cơ tử cung <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (...tiết)</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Thực hiện project</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo - Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	K1, K2, K3, K4, K5, K6
7	Chương 7: Dược liệu có tác dụng chữa ho, long đờm	
	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Dược liệu có tác dụng chữa ho, long đờm.</p> <ul style="list-style-type: none"> 7.1. Đại cương 	K1, K2, K3, K4, K5, K6

	<p>7.2. Các cây thông dụng</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (...tiết)</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Thực hiện project</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo - Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	
	<p>Chương 8: Dược liệu có tác dụng phòng trị cảm mạo cho vật nuôi</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết)</p> <p>Dược liệu có tác dụng phòng trị cảm mạo cho vật nuôi</p> <p>8.1. Đại cương</p> <p>8.2. Các cây thông dụng</p> <p>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (...tiết)</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1,5 tiết)</p> <p>Một nhóm sinh viên trình bày về một loại cây có tính ứng dụng cao trong lâm sàng thú y theo hướng chữa bệnh cảm mạo cho vật nuôi (sinh viên tự lựa chọn), sau đó phân tích chi tiết mối liên hệ giữa hoạt chất của cây với tác dụng dược lý và ứng dụng của nó. Từ đó sinh viên mở rộng vấn đề về vai trò của các cây dược liệu chữa bệnh cảm mạo và so sánh chúng với các thuốc hóa học trị liệu của tây y.</p> <p>Nội dung thực hiện project: 1 tiết</p> <p>Báo cáo project</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6
8	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước bài giảng của tiết học tiếp theo - Chuẩn bị seminar (nếu thuộc nhóm trình bày) hoặc tìm hiểu về phần sẽ được trình bày để tham gia thảo luận đặt câu hỏi 	

* Phần đồ án

Đồ án là một phần bắt buộc của học phần. Thông tin về đồ án như sau:

1. Mô tả chung về đồ án:

- Tên các chủ đề: bào chế các loại thuốc có nguồn gốc thảo dược (loại thuốc cụ thể nào sẽ phụ thuộc vào project mà nhóm sinh viên thiết kế).
- Sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm: Báo cáo kết quả, hình ảnh sản phẩm.

2. Kết quả học tập mong đợi từ đồ án

- Kiến thức: Sinh viên nhận biết rõ các bước trong kỹ thuật bào chế thuốc từ dược liệu
- Kỹ năng: Sinh viên thực hiện bào chế thuốc thảo dược đúng kỹ thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: thực hiện đồ án nhằm hình thành cho sinh viên tính chủ động trong việc ứng dụng được liệu vào thực tiễn.

3. Tổ chức thực hiện đồ án:

- Số lượng sinh viên/nhóm: 5-7 sinh viên/ 1 nhóm.
- Thời gian thực hiện: 02 tuần và được chia làm các giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1: khai thác, đọc tài liệu; xây dựng đồ án, chuẩn bị dụng cụ, nguyên liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên
 - + Giai đoạn 2: Tiến hành thực hiện bào chế.
 - + Giai đoạn 3: Viết báo cáo, trình bày báo cáo.
- Địa điểm: Phòng thí nghiệm, bộ môn Nội – Chẩn – Dược, khoa Thú y.

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học lý thuyết: cơ sở vật chất đầy đủ cho việc dạy và học (máy chiếu, màn chiếu, loa cá nhân, bảng, phấn).
- Phòng thực hành, phòng thí nghiệm thực hiện project đảm bảo có các trang thiết bị, máy móc liên quan đến bào chế đông y để phục vụ cho quá trình triển khai project điều chế thuốc từ dược liệu của sinh viên (khuôn bào chế thuốc, dụng cụ bào chế ...)
- E-learning; MS team

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Văn Phu

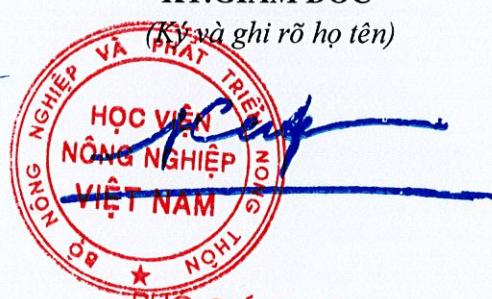
TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Trần Anh Đào

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Thị Thanh Hà

KT.GIÁM ĐỐC



(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIÁNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần (1)

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hà	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Nội – Chẩn – Dược, khoa Thú y	Điện thoại liên hệ:0904253852
Email:nguyenhavet@vnua.edu.vn	Trang web: website của Khoa http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên; Liên lạc bằng email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần (2)

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Tường	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Nội – Chẩn – Dược, khoa Thú y	Điện thoại liên hệ:0969778029
Email:nmtuong@vnua.edu.vn	Trang web: website của Khoa http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên; Liên lạc bằng email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần (3)

Họ và tên: Nguyễn Thành Trung	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Nội – Chẩn – Dược, khoa Thú y	Điện thoại liên hệ:0971515199
Email:nttrung.fvm@vnua.edu.vn	Trang web: website của Khoa http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên; Liên lạc bằng email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần (4)

Họ và tên:Đào Công Duẩn	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Nội – Chẩn – Dược, khoa Thú y	Điện thoại liên hệ:0977016402

Email:dcduan@vnua.edu.vn	Trang web: website của Khoa http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên; Liên lạc bằng email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần (5)

Họ và tên: Nguyễn Thị Hằng	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Nội – Chẩn – Dược, khoa Thú y	Điện thoại liên hệ: 01666620286
Email:nthang@vnua.edu.vn	Trang web: website của Khoa http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/
Cách liên lạc với giảng viên; Liên lạc bằng email hoặc điện thoại	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMD, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	K6
DẠY VÀ HỌC						
Giảng dạy thông qua thuyết giảng	x	x				
Giảng dạy thông qua thực hành			x	x	x	x
Giảng dạy thông qua project	x	x	x	x	x	x
ĐÁNH GIÁ						
Rubric 1. Chuyên cần (10%)						x
Rubric 2. Thực hành (0%)			x	x	x	x
Rubric 3. Hoạt động nhóm, thuyết trình (20%)	x	x				
Rubric 4. Thực hiện project (20%)	x	x	x	x	x	x

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 2: 7/ 2019

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 3: 7/ 2020

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

- Lần 4: 7/ 2021

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo

-Lần 5: 7/2022

Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo